

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 31 tháng 10, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	VGI	30/10/2025	75.4	2.260.700	386.153	5.85
2	PSD	30/10/2025	15.7	653.300	143.417	4.56
3	HSL	30/10/2025	10.55	3.825.900	843.943	4.53
4	VPG	30/10/2025	07.07	1.959.300	456.300	4.29
5	DXP	30/10/2025	11.3	684.600	180.020	03.08
6	CTP	30/10/2025	10.8	530.000	153.440	3.45
7	CTR	30/10/2025	94	1.672.600	493.140	3.39
8	TTN	30/10/2025	19.3	500.700	150.960	3.32
9	VEA	30/10/2025	41.1	1.354.000	420.300	3.22
10	TNH	30/10/2025	12.5	505.100	170.500	2.96
11	VTP	30/10/2025	119.3	2.265.100	788.447	2.87
12	HNG	30/10/2025	6.2	8.762.100	3.162.167	2.77
13	CMG	30/10/2025	41.3	1.539.500	566.197	2.72
14	BFC	30/10/2025	45.75	508.600	190.970	2.66
15	KHG	30/10/2025	8.2	30.706.900	12.735.570	2.41
16	SHI	30/10/2025	14.4	853.000	359.887	2.37
17	TVC	30/10/2025	11.6	1.655.100	702.487	2.36
18	HHP	30/10/2025	11.05	1.064.000	455.733	2.33
19	TCO	30/10/2025	10.65	531.400	235.007	2.26
20	MIG	30/10/2025	17.85	648.100	288.257	2.25
21	MCH	30/10/2025	159.4	726.000	331.227	2.19
22	TVN	30/10/2025	8.2	704.600	326.527	2.16
23	KLB	30/10/2025	17.3	1.240.700	599.703	02.07
24	DL1	30/10/2025	6	941.900	459.563	02.05
25	APH	30/10/2025	6.69	543.900	270.643	02.01
26	HAH	30/10/2025	62.7	4101100	2095857	1.96
27	VIX	30/10/2025	29.3	65614800	37050128	1.77
28	PC1	30/10/2025	23.6	4212400	2453800	1.72
29	DPR	30/10/2025	38.8	650900	393740	1.65



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAA	30/10/2025	8.23	1.992.160	58.12	7.79	5.71	0	0.06
2	CMG	30/10/2025	41.3	805.970	62.37	39.56	4.39	0.04	-1.07
3	DBC	30/10/2025	26.4	3.823.570	46.54	26.24	0.62	-0.46	0.02
4	DGW	30/10/2025	40.65	1.205.690	50.97	39.38	3.24	-0.54	-0.16
5	DPR	30/10/2025	38.8	502.340	60.19	38.69	0.28	-0.02	-0.55
6	FRT	30/10/2025	148.1	736.290	61.17	139.69	06.02	1	-3.74
7	POW	30/10/2025	14.2	7.555.580	49.32	13.39	06.08	-0.25	0.27
8	PVS	30/10/2025	32.3	4.210.230	52.79	32.12	0.56	-0.38	-0.61
9	SAM	30/10/2025	7.62	739.160	54.39	7.23	5.33	-0.14	0.24
10	VEA	30/10/2025	41.1	521.160	71.86	39.3	4.59	0.16	-0.2
11	VGI	30/10/2025	75.4	743.600	65.75	74.39	1.35	-0.03	-2.23
12	VHC	30/10/2025	57.6	1.028.060	56.72	57.53	0.13	0.27	-1.52
13	VPI	30/10/2025	56.3	1.892.900	48.64	55.34	1.74	0.26	-0.63



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BIG	6.1	6.6	279.620
2	CTD	100	102.5	1823690
3	DHA	58.7	59.8	218.440
4	KHG	8.2	8.2	18.731.840
5	NAF	34.85	35.05	626240
6	NT2	25.2	25.35	1.850.880
7	PPT	14.7	14.8	248.320
8	VJC	195.5	201.2	3.114.030
9	VVS	62.5	63.5	216.250

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ADP	22.7	22.45	20.060
2	KSF	80.9	77.1	26.400
3	NO1	6.73	6.65	78.000
4	PTM	13.4	12.2	27.160

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	CTR	94	92.82	985.350
2	MCH	159.4	154.9	418.960
3	TTN	19.3	18.5	235460
4	VEA	41.1	40.1	521.160
5	VTP	119.3	116.7	1.526.670

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	AAS	9.4	9.2	2.977.530
2	ADP	22.7	22.45	20.060
3	CRE	9.35	9.1	679.780
4	GEX	47.35	46	22.418.680
5	HCM	23.55	23.45	11.682.970
6	HGM	280.1	269	10.500
7	HMC	11.5	11.2	14.440
8	KHS	17.4	16.9	28.810
9	KSF	80.9	77.1	26.400
10	NAG	11.5	10.6	730.240
11	NO1	6.73	6.65	78.000
12	PTM	13.4	12.2	27.160
13	THG	50	48.4	61.470
14	VFS	16.5	16	2.169.050
15	VND	20	19.85	27.644.580

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới



Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	PVS	32.3	32.12	4.210.230
2	VGI	75.4	74.39	743.600

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	AAA	8.23	08.06	1.992.160
2	CMG	41.3	39.82	805.970
3	DLG	2.93	2.86	1924380
4	GVR	28.35	28.28	2.569.910
5	VGI	75.4	70.67	743.600

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	DGW	40.65	40.01	1.205.690
2	DL1	6	5.91	560.240
3	FTS	35.35	34.79	2160560
4	HAX	11.3	11.12	1.034.130
5	LIG	4.9	4.74	554.260
7	DLG	2.74	2.68	1266520

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	AGR	16.15	16.2	714.690
2	DSE	25.05	25.4	810.880
3	EIB	22.65	22.85	8298270
4	HCM	23.55	23.89	11.682.970

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	BSR	16.6	16.83	8.859.630
2	CII	24.4	24.96	29.162.460
3	DDV	31.3	31.88	2140260
4	MSR	23	23.29	2.305.040

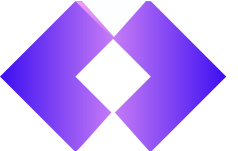
Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	BSR	16.6	16.9	8.859.630
2	BVB	13.7	13.81	2.468.800
3	CSM	13.9	14.01	533470
4	DBC	26.4	26.61	3.823.570
5	NRC	6.5	6.6	1.387.620
7	DLG	2.74	2.68	1266520



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	PPH	30/10/2025	28.2	27.1	28.8	6.3	59.920
2	CHP	30/10/2025	31.9	31.7	33.75	6.5	64.320
3	DBD	30/10/2025	52.7	51.8	55.6	7.3	32.060
4	VC3	30/10/2025	29	27.1	29.4	8.5	965.820
5	SJD	30/10/2025	14.2	13.59	14.76	8.6	87.820
6	QNS	30/10/2025	45.2	45	49.1	9.1	148.420
7	QTP	30/10/2025	13	12.7	13.9	9.4	100.840
8	DHG	30/10/2025	105.6	100.4	110	9.6	43.080
9	VCP	30/10/2025	26.6	25.31	27.86	10.1	42.060
10	VTZ	30/10/2025	18.6	17.6	19.4	10.2	1.474.420
11	SAB	30/10/2025	45.7	44	48.55	10.3	567.560
12	PVP	30/10/2025	15.5	14.5	16	10.3	111.260
13	VLB	30/10/2025	47.4	45	49.8	10.7	47.660
14	VAB	30/10/2025	11.35	11.15	12.35	10.8	774.180
15	NAB	30/10/2025	14.25	13.95	15.5	11.1	1.523.220
16	NTC	30/10/2025	165.7	156.65	174.6	11.5	37.000
17	BWE	30/10/2025	49.4	46.5	51.9	11.6	159.280
18	CTF	30/10/2025	20.2	19.31	21.57	11.7	326.560
19	MCM	30/10/2025	27.2	26.3	29.4	11.8	58.480
20	PPT	30/10/2025	14.7	13.2	14.8	12.1	271.160
21	SHI	30/10/2025	14.4	13.55	15.2	12.2	382220
22	SBG	30/10/2025	13.35	12.1	13.6	12.4	232320
23	VEA	30/10/2025	41.1	37.3	42	12.6	585020
24	STK	30/10/2025	17.65	16.22	18.28	12.7	40480
25	PCH	30/10/2025	20.1	19.5	22.1	13.3	101820
26	KDC	30/10/2025	51.8	49.2	55.8	13.4	118580
27	TDP	30/10/2025	35.95	32.3	37.1	14.9	125260



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường
Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông
Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại: 0237 3515 009